BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HỌC VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
XH94032: XÃ HỘI HỌC ĐÔ THỊ (URBAN SOCIOLOGY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **3 (Lý thuyết: 3 – Thực hành: 0)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
  + Thuyết trình và thảo luận (seminar) trên lớp: 15 tiết
- Giờ tự học: 105 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Xã hội học
  - Khoa: Khoa học xã hội
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương □		Cơ sở ngành ☒		Chuyên sâu □	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh □ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**
Kiến thức chung		
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	P
Kiến thức chuyên môn		

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
CĐR3: Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	P
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	P
Kỹ năng chung		
CĐR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.	P
Kỹ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị;	P
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.	P

Ghi chú:

I *– Giới thiệu (Introduction: (Làm thành công dưới sự hướng dẫn các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra);*

P *– Thực hiện (Practice: Làm một mình thành công nhưng chưa thành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra);*

R *– Củng cố (Reinforce: Làm một mìnhthành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra nhưng chưa biết hướng dẫn cho người khác);*

M *– Đạt được (Master: thực hiện CĐR một cách độc lập và hướng dẫn người khác làm và đánh giá được họ có làm được các yêu cầu được đưa ra trong chuẩn đầu ra).*

* ***Mục tiêu***: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên:

- Học phần cung cấp cho người học kiến thức về cấu trúc xã hội của xã hội đô thị, có khả năng đề xuất và xây dựng các giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội của cấu trúc xã hội đô thị.
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thực hiện các phân tích kết quả khảo sát/điều tra xã hội học về đô thị.
- Học phần hình thành cho người học thái độ: ý thức học tập và có tinh thần khởi nghiệp.

* ***Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		
K1	Phân tích các thành phần trong cấu trúc xã hội đô thị	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.
K2	Phân tích các mối quan hệ giữa các thành phần của cấu trúc xã hội đô thị	3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
K3	Phát hiện các vấn đề xã hội ở đô thị, đề xuất giải pháp cho các vấn đề xã hội của cấu trúc xã hội đô thị	4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kỹ năng		
K4	Vận dụng linh hoạt tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực xã hội học đô thị.	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
K5	Tổng hợp, phân tích các kết quả khảo sát xã hội học về các vấn đề xã hội ở đô thị dựa trên các bằng chứng thực nghiệm	6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị;
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp liên quan đến lĩnh vực xã hội học	8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

XH94032 – Xã hội học đô thị (Urban Sociology) (Tổng số tín chỉ: 3 - Tổng số tín chỉ lí thuyết: 3 – Tổng số tín chỉ thực hành: 0 – Tổng số giờ tự học: 105 tiết).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm Sự hình thành và phát triển XHH đô thị; Các lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu XHH đô thị; Đô thị hóa, Cấu trúc xã hội và lối sống đô thị; Nhà ở đô thị; Quá trình xâm lấn nông thôn – đô thị.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận

2. Phương pháp học tập

Lắng nghe, phản hồi, thuyết trình theo nhóm

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đi học đầy đủ, không nghỉ quá số tiết theo quy định của Học viện.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu, sách tham khảo theo yêu cầu của giảng viên với từng nội dung/chương tương đương với tiết dạy trước khi đến lớp học.

- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thuyết trình theo nhóm. Điểm thuyết trình được tính làm điểm giữa kỳ của môn học.
- Thi cuối kì: Tự luận

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình			
Rubic 1: Tham dự lớp	K1, K2, K3, K4, K5	10	Theo kế hoạch của BQLĐT
Rubic 2: Thuyết trình nhóm	K1, K2, K3, K4, K5, K6	**30**	Theo kế hoạch của BQLĐT
Đánh giá cuối kì			
Thi cuối môn học	K1, K2, K3, K4, K5	**60**	Theo kế hoạch của BQLĐT

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

(Chỉ dùng cho đánh giá và thi giữa kì, cuối kì theo hình thức trắc nghiệm/tự luận)

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Phân tích về cư dân đô thị (thị dân), các thiết chế xã hội đô thị, các tổ chức xã hội ở đô thị.
K1	Chỉ báo 2: Phân tích về đô thị, đô thị hóa và các cộng đồng dân cư trong lòng đô thị
K2	Chỉ báo 3: Phân tích về các quan hệ xã hội, tương tác xã hội trong xã hội đô thị
K2	Chỉ báo 4: Phân tích về mối quan hệ giữa cư trú tách biệt, nhà ở đô thị và mức sống của cư dân đô thị
K2	Chỉ báo 5: Phân tích về quá trình đô thị hóa và xâm lấn nông thôn – đô thị
K3	Chỉ báo 6: Phân tích các vấn đề xã hội ở đô thị và đề xuất giải pháp góp phần ổn định trật tự xã hội đô thị.

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	50	Trả lời được 85-100% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 65-84% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 40-64% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 0-39- % câu hỏi trên lớp

Rubric 2. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm sẽ bị trừ 02 điểm trên tổng số điểm bài tập đạt được

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi giữa kì (thuyết trình theo nhóm): 0 điểm.

Yêu cầu về đạo đức: Nghiêm túc, trung thực.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

**** Sách giáo trình/Bài giảng:***

1. Trịnh Duy Luân (2004). Xã hội học đô thị. NXB Khoa học xã hội
2. Đoàn Khắc Tình (2018). Lịch sử đô thị Việt Nam. NXB Xây dựng
3. Đỗ Hậu (2020). Xã hội học đô thị. NXB Xây dựng

**** Tài liệu tham khảo khác:***

1. Viện ngân hàng thế giới (2006). Đô thị trong thế giới toàn cầu hóa. NXB Chính trị quốc gia
2. Đình Quang (2005). Đời sống văn hóa đô thị và khu công nghiệp Việt Nam. NXB Văn hóa thông tin
3. Lê Ngọc Hùng (2014). Các lý thuyết xã hội học hiện đại. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
4. Nguyễn Hoài Nam (2020). Tác động di dân đối với thu nhập của nông hộ ở một số tỉnh Bắc Trung Bộ. *Tạp chí phát triển kinh tế*: 98-113
5. Edward Glaeser & David Cutler (2022). Sinh tồn của đô thị. NXB Đà Nẵng
6. Shane Ewen (2022). Lịch sử đô thị hiện đại. NXB Dân trí.
7. Ngô Trung Thành, Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Thanh Hương, Lê Quý Dương, 2023. Nguyên nhân di cư: góc nhìn kinh tế và một số gợi mở về phi kinh tế. Tạp chí *Xã hội học*, số 01

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
Tuần 1 Tuần 2	***Chương 1: Sự hình thành và phát triển XHH đô thị***			
	A/ **Các nội dung chính trên lớp**: *(6 tiết)* **Nội dung giảng dạy lý thuyết: 6 tiết** 1.1.Quá trình phát triển của XHH đô thị 1.1.1.XHH đô thị trên thế giới 1.1.2.XHH đô thị ở Việt Nam 1.2.Các định nghĩa về đô thị 1.2.1.Định nghĩa mở rộng 1.2.2.Định nghĩa thu hẹp 1.2.3.Quy định của Việt Nam về đô thị 1.3.Các yếu tố cấu thành đô thị	Thuyết trình; Nêu vấn đề	Tham dự lớp; Thi cuối môn học	K1, K2, K3

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	1.3.1.Nhóm yếu tố không gian vật chất 1.3.2.Nhóm yếu tố tổ chức – xã hội			
	***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(13 tiết)* - Tìm hiểu về lịch sử các nghiên cứu về XHH đô thị - Tìm hiểu các quy định của Việt nam về đô thị - Các phương pháp nghiên cứu XHH			
	Chương 2: Các lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu XHH đô thị			
Tuần 3 Tuần 4 Tuần 5	***A/*Các nội dung chính trên lớp**: *(9 tiết)* **Nội dung giảng dạy lý thuyết: 6 tiết** 2.1.Các quan điểm XHH kinh điển về dô thị 2.1.1.Quan điểm của K.Marx 2.1.2. E.Durkheim 2.1.3. G.Simmel 2.1.4.Max Weber 2.1.5.F.Tonnies 2.2.Trường phái xã hội học Chicago 2.2.1. Vài nét về thành phố Chicago 2.2.2. Sự ra đời của trường phái Chicago 2.2.3.Các đại diện và lý thuyết tiêu biểu 2.3.Hiện tượng cư trú tách biệt 2.3.1.Nguyên nhân 2.3.2.Các mô hình cư trú tách biệt 2.4.Các quan điểm cộng đồng trong đô thị lớn 2.4.1.Quan điểm thành phần 2.4.2.Quan điểm phân hệ văn hóa 2.4.3.Quan điểm mạng lưới xã hội **Nội dung semina/thảo luận:** *(3 tiết)* - Hiện tượng cư trú tách biệt - Các quan điểm về lối sống đô thị	Thuyết trình; Nêu vấn đề	Tham dự lớp; Thi cuối môn học; Thuyết trình	K1, K2, K3, K4
	***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(22 tiết)* Các quan điểm XHH về đô thị của các nhà XHH Các nghiên cứu về cư trú tách biệt ở đô thị			
	Chương 3: Đô thị hóa			
Tuần 6 Tuần 7	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** *(6 tiết)* **Nội dung giảng dạy lý thuyết: 3 tiết** 3.1. Khái niệm và đặc điểm của quá trình đô thị hóa 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Đặc điểm của đô thị hóa 3.2.Đô thị hóa trong lịch sử trên thế giới	Thuyết trình; Nêu vấn đề	Tham dự lớp; Thi cuối môn học; Thuyết trình	K1, K2, K3, K4, K5

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	3.2.1. Đô thị hóa trong truyền thống 3.2.2. Công nghiệp hóa và đô thị hóa 3.2.3. Đô thị hóa ở các nước đang phát triển 3.3.Đô thị hóa ở Việt Nam 3.3.1.Đô thị Việt Nam trong lịch sử phát triển 3.3.2.Đặc điểm của quá trình đô thị hóa hiện nay 3.3.3.Một số chủ đề nghiên cứu **Nội dung semina/thảo luận:** *(3 tiết)* - Đặc điểm đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam - Các chủ đề nghiên cứu về đô thị hóa			
	***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(13 tiết)* - Quá trình đô thị hóa - Các nghiên cứu xã hội học về đô thị hóa			
Tuần 8 Tuần 9 Tuần 10	***Chương 4*: *Cấu trúc xã hội và lối sống đô thị***			
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** *(9 tiết)* **Nội dung giảng dạy lý thuyết: 6 tiết** 4.1.Cơ cấu của cộng đồng đô thị 4.1.1.Cơ cấu nhân khẩu – xã hội 4.1.2.Cơ cấu xã hội nghề nghiệp 4.1.3.Cơ cấu mức sống 4.2. Thiết chế xã hội và tổ chức xã hội ở đô thị 4.2.1.Các thiết chế xã hội ở đô thị 4.2.2.Các tổ chức xã hội ở đô thị 4.3.Lối sống đô thị 4.3.1.Khái niệm 4.3.2.Đặc điểm lối sống đô thị Việt Nam 4.3.3.Đặc điểm lối sống gia đình đô thị **Nội dung semina/thảo luận:** *(3 tiết)* - Các chủ đề nghiên cứu về cấu trúc và lối sống đô thị - Sự biến đổi cấu trúc đô thị Việt Nam theo thời gian	Thuyết trình; Nêu vấn đề	Tham dự lớp; Thi cuối môn học; Thuyết trình	K1, K2, K3, K4, K4, K5
	***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(22 tiết)* - Các lý thuyết về đô thị, đô thị hóa, lối sống đô thị - Các nghiên cứu về nghề nghiệp, phân hóa giàu nghèo đô thị, lối sống đô thị, tổ chức xã hội, thiết chế xã hội đô thị.			
Tuần 11 Tuần 12	***Chương 5*: *Nhà ở đô thị***			
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** *(6 tiết)* **Nội dung giảng dạy lý thuyết: 3 tiết** 5.1.Tổng quan về chính sách nhà ở 5.1.1.Vai trò và sự can thiệp của chính phủ 5.1.2.Các mục tiêu của chính sách nhà ở	Thuyết trình; Nêu vấn đề	Tham dự lớp; Thi cuối môn học;	K1, K2, K3, K4, K5, K6

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	5.1.3.Các dạng cơ bản về chính sách nhà ở 5.1.4.Các chu trình của chính sách nhà ở 5.1.5.Nhà ở và chính trị 5.2.Các loại nhà ở 5.2.1.Nhà ở dành cho người có thu nhập thấp 5.2.2.Các khu cư trú bất quy tắc/nhà ổ chuột 5.3.Quan hệ giữa nhà ở - mức sống và phân tầng xã hội 5.3.1.Tham khảo mức giá nhà đất ở Việt Nam 5.3.2.Nhà ở và lối sống 5.3.3.Nhu cầu về nhà ở 5.4.Các chủ đề nghiên cứu XHH về nhà ở đô thị **Nội dung semina/thảo luận:** *(3 tiết)* - Phân tầng xã hội về nhà ở		Thuyết trình	
	***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(13 tiết)* - Tổng quan về chính sách nhà ở - Các quy định về nhà ở và đất đai ở đô thị hiện nay			
Tuần 13 Tuần 14 Tuần 15	***Chương 6*: *Xâm lấn nông thôn - đô thị*** ***A/* Các nội dung chính trên lớp:** *(9 tiết)* **Nội dung giảng dạy lý thuyết: 6 tiết** 6.1.Tổng quan về di cư 6.1.1.Di cư và các dòng di cư 6.1.2. Các chính sách di cư 6.2.Nguyên nhân di cư 6.2.1. Lý thuyết tân cổ điển 6.2.2. Lý thuyết kéo – đẩy 6.2.3. Đo lường nguyên nhân di cư 6.3.Nhận diện người di cư 6.3.1.Đặc điểm của người di cư nông thôn – đô thị 6.3.2. Lý do/nguyên nhân/động cơ của di cư lao động 6.3.3. Việc làm của lao động di cư 6.3.4. An sinh xã hội của lao động di cư 6.3.5. Vấn đề hòa nhập/hội nhập xã hội nơi đến 6.3.6. Vấn đề giới trong di cư 6.4.Hệ quả của quá trình xâm lấn nông thôn – đô thị 6.4.1.Tích cực 6.4.2.Tiêu cực **Nội dung semina/thảo luận:** *(3 tiết)* - Tác động của di cư đến đời sống của hộ gia đình	Thuyết trình; Nêu vấn đề	Tham dự lớp; Thi cuối môn học; Thuyết trình	K1, K2, K3, K4, K5, K6

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	- Tác động/thay đổi vai trò (giới) trong gia đình - Việc làm và thu nhập của lao động nhập cư - Giải pháp cho di dân ngoại tỉnh vào đô thị lớn			
	***B/*Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(22 tiết)* Lịch sử di cư ở Việt nam Ứng dụng lý thuyết mạng lưới xã hội vào di cư Các quan điểm XHH về di cư Các ứng dụng của lý thuyết về di cư vào các nghiên cứu cụ thể			

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đủ ánh sáng, quạt, máy chiếu, micro
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính, máy chiếu, micro
- Hệ thống LMS

Hà Nội, ngày..15..tháng..12 năm 2025

TRƯỞNG BỘ MÔN	**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Thị Thu Hà	Nguyễn Thị Thu Hà
TRƯỞNG KHOA	**KT. GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi rõ họ tên)	**PHÓ GIÁM ĐỐC**
TS. Trần Lê Thanh	**GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Khuê	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Khoa học xã hội Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0948808358
Email: minhkhuehere@gmail.com	Trang web: Khoa Khoa học xã hội
Cách liên lạc với giảng viên: liên lạc qua điện thoại/email	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Khoa học xã hội Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0944249900
Email: nguyenthuhaxhh@gmail.com	Trang web: Khoa Khoa học xã hội
Cách liên lạc với giảng viên: liên lạc qua điện thoại/email	

Giảng viên hỗ trợ /trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Thanh Hương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Khoa học xã hội Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0986060192
Email:thanhhuong1410@gmail.com	Trang web:Khoa Khoa học xã hội
Cách liên lạc với giảng viên: liên lạc qua điện thoại/email	

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

Lần 1: 7/ 2020: (1) Chỉnh sửa CĐR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT (2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá.

Lần 2: 7/ 2021: (1) Cập nhật CĐR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT (IPRM) (2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá;

Lần 3: 7/2022: Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy (kết hợp giảng dạy online), phương pháp đánh giá.

Lần 4: 7/2023: Chỉnh sửa mục tiêu, CĐR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT, cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá.

Lần 5: 7/2024: Chỉnh sửa mục tiêu, CĐR của học phần, cập nhật nội dung học phần.

Lần 6: 2025: Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá.